

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO**  
**TRƯỜNG ĐẠI HỌC QUY NHƠN**

---

**CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC ĐẠI HỌC**

Trình độ đào tạo:	<b>Đại học</b>
Ngành đào tạo:	<b>Luật</b>
Tên tiếng Anh:	
Tên các chuyên ngành:	
Mã ngành:	<b>52380101</b>
Loại hình đào tạo:	<b>Chính quy</b>
Hình thức đào tạo:	<b>Tập trung</b>

## CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC ĐẠI HỌC

(Ban hành kèm theo Quyết định số: .....ngày.... tháng.... năm ...

của Hiệu trưởng Trường Đại học Quy Nhơn)

Trình độ đào tạo: **Đại học**  
 Ngành đào tạo: **Luật** Mã ngành: **52380101**  
 Tên tiếng Anh:  
 Tên các chuyên ngành:  
 Loại hình đào tạo: Chính quy  
 Hình thức đào tạo: Chính quy

### 1. MỤC TIÊU ĐÀO TẠO

**1.1. Mục tiêu chung:** Đào tạo cử nhân Luật cơ bản đạt chuẩn nghề nghiệp theo các quy định hiện hành, có phẩm chất chính trị và đạo đức nghề nghiệp tốt, được trang bị những kiến thức cơ bản về pháp luật, thực tiễn pháp lý và những kiến thức về chính trị, kinh tế, văn hoá, xã hội có liên quan đến lĩnh vực pháp luật; bước đầu có định hướng chuyên sâu và rèn luyện kỹ năng thực hành, có thể giải quyết được các vấn đề pháp lý trong các lĩnh vực của đời sống xã hội, có khả năng thích ứng tốt với môi trường pháp luật năng động, nhiều áp lực.

### 1.2. Mục tiêu cụ thể

#### 1.2.1. Kiến thức

- Trang bị cho người học kiến thức cơ bản, toàn diện, hiện đại của luật học về các ngành luật trong hệ thống pháp luật Việt Nam;
- Nắm bắt những vấn đề cơ bản của pháp luật quốc tế trong nhiều lĩnh vực như lãnh thổ, quốc tịch, ngoại giao, lãnh sự, luật biển quốc tế...;
- Trang bị cho người học những kiến thức pháp lý chuyên sâu trong lĩnh vực hình sự, dân sự, hành chính, thương mại, quốc tế....;

- Trang bị cho người học kiến thức nền tảng tạo khả năng phát triển kiến thức mới để tiếp tục học tập ở trình độ cao hơn và ở các chương trình đào tạo nghề chuyên sâu (luật sư, thẩm phán, kiểm sát viên...).

### **1.2.2. Kỹ năng**

- Trang bị cho người học hệ thống các kỹ năng nghề luật, giúp người học vận dụng tốt những kiến thức đã học vào việc giải quyết các vấn đề pháp lý của thực tiễn xã hội cũng như việc nghiên cứu các vấn đề chuyên sâu trong các lĩnh vực đặc thù của nghề luật;

- Trang bị cho người học khả năng phân tích tình huống pháp lý phát sinh trong thực tiễn, vận dụng pháp luật nhạy bén, linh hoạt trong các lĩnh vực, ngành nghề khác nhau;

- Trang bị cho người học khả năng nắm bắt được xu hướng thay đổi của pháp luật trong sự phát triển năng động của đời sống xã hội;

- Rèn luyện cho người học khả năng làm việc độc lập, tự tin dưới áp lực cao đồng thời có thể phối hợp với đồng nghiệp, làm việc nhóm, linh hoạt giải quyết các vấn đề nảy sinh trong thực tiễn nghề nghiệp;

- Có khả năng giao tiếp, làm việc bằng ngoại ngữ;

- Trang bị cho người học kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin, sử dụng tốt các phần mềm chuyên ngành và khai thác hiệu quả công nghệ thông tin trong giải quyết công việc và nghiên cứu trong lĩnh vực pháp luật.

### **1.2.3. Thái độ**

- Tôn trọng, chấp hành nghiêm các quy định của pháp luật, tư duy trên nền tảng đạo lý, quyết định và hành động trên cơ sở pháp lý;

- Có ý thức trách nhiệm nghề nghiệp cao đối với bản thân và cộng đồng và xã hội;

- Đánh giá kết quả hoạt động nghề nghiệp của mình với thái độ trung thực, cầu thị, phối hợp hài hòa khi làm việc theo nhóm trong môi trường đa dạng về môi trường pháp lý, ngôn ngữ và văn hóa.

## **2. CHUẨN ĐẦU RA**

### **2.1. Yêu cầu tối thiểu về kiến thức**

- Nắm vững kiến thức cơ bản có hệ thống về các ngành luật của hệ thống pháp luật Việt Nam;

- Nắm vững kiến thức cơ bản có hệ thống về pháp luật quốc tế;

- Nắm vững kiến thức chuyên ngành sâu trong một số lĩnh vực nghề luật;

- Nắm vững lý thuyết và có khả năng vận dụng kiến thức pháp luật vào việc giải quyết các vấn đề chuyên môn của nghề luật;

- Có kiến thức cơ bản và khả năng vận dụng kiến thức các khoa học chính trị, khoa học xã hội và nhân văn trong hoạt động nghề nghiệp;

- Hiểu và biết vận dụng kiến thức về phương pháp học tập, nghiên cứu khoa học đáp ứng yêu cầu tự học, tự nghiên cứu;

- Có hiểu biết chung về kiến thức quốc phòng, an ninh, giáo dục thể chất để đáp ứng yêu cầu làm việc và hoạt động nghề nghiệp sau khi tốt nghiệp.

## **2.2. Yêu cầu tối thiểu về kỹ năng**

- Có khả năng lập luận khoa học , xác định đối tượng , giải quyết vấn đề trong hoạt động nghề luật;

- Có năng lực thực hành , kỹ năng xử lý tình huống trong một số lĩnh vực chuyên ngành sâu của nghề luật;

- Có kỹ năng tiếp cận, cập nhật thông tin phục vụ cho hoạt động nghiên cứu; Có khả năng tự nghiên cứu, tự bồi dưỡng để nâng cao trình độ đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của xã hội và hoạt động nghề nghiệp;

- Có khả năng phối hợp với đồng nghiệp, làm việc nhóm , linh hoạt giải quyết các vấn đề nảy sinh trong thực tiễn hoạt động nghề nghiệp;

- Có khả năng giao tiếp, hội nhập, thích nghi với các điều kiện, môi trường làm việc, các mối quan hệ xã hội khác nhau.

## **2.3. Yêu cầu tối thiểu về thái độ, trách nhiệm nghề nghiệp**

- Có nhận thức và thái độ ứng xử theo các nguyên tắc pháp luật và chuẩn mực đạo đức xã hội và đạo đức nghề nghiệp;

- Trung thực, tận tụy, khiêm tốn, tự giác, cầu thị, cầu tiến, tôn trọng và tuân thủ kỷ luật trong hoạt động nghề nghiệp và trong quan hệ xã hội;

- Có ý thức và thể hiện trách nhiệm của công dân đối với Tổ quốc, có tinh thần tận tụy phục vụ nhân dân, cộng đồng; có ý thức trách nhiệm của viên chức đối với cơ quan, đơn vị; có ý thức trách nhiệm cá nhân trong hoạt động nghề nghiệp và đối với xã hội.

#### **2.4. Yêu cầu tối thiểu về tin học**

Nắm vững và sử dụng thành thạo tin học văn phòng; biết khai thác hiệu quả Internet phục vụ công việc, nghiên cứu; có khả năng sử dụng một số phần mềm chuyên ngành phục vụ cho hoạt động nghề nghiệp.

#### **2.5. Yêu cầu tối thiểu về ngoại ngữ:**

Đạt trình độ tiếng Anh bậc 3/6 (theo khung năng lực tiếng Anh 6 bậc cho người Việt); có thể đọc và hiểu được các ý chính trong các chủ đề quen thuộc trên lĩnh vực pháp luật.

#### **2.6. Cơ hội và vị trí việc làm:**

Sinh viên sau khi tốt nghiệp có thể làm việc trong nhiều cơ quan, đơn vị khác nhau, cụ thể:

- Làm việc tại Tòa án nhân dân, Viện Kiểm sát nhân dân các cấp;
- Làm luật sư tư vấn hoặc tranh tụng;
- Làm quản lý hoặc cố vấn pháp lý trong các doanh nghiệp, tập đoàn, công ty, tổ chức trong nước và quốc tế;
- Làm việc tại Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân các cấp, các sở, ban, ngành; các tổ chức trong hệ thống chính trị, các cơ quan Đảng, đoàn thể, tổ chức chính trị - xã hội, lực lượng vũ trang; (các đơn vị thanh tra, tư pháp, pháp chế...);
- Có thể làm công tác giảng dạy và nghiên cứu về pháp luật;
- Có thể tiếp tục học tập nâng cao trình độ hoặc học chuyên ngành sâu trong các lĩnh vực nghề luật.

### **3. THỜI GIAN ĐÀO TẠO VÀ KHỐI LƯỢNG KIẾN THỨC TOÀN KHOA**

**3.1. Thời gian đào tạo:** 4 năm.

**3.2. Khối lượng kiến thức toàn khoa:** 126 tín chỉ.

#### **4. ĐỐI TƯỢNG TUYỂN SINH**

Theo Quy chế tuyển sinh đại học, cao đẳng hệ chính quy hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

#### **5. QUY TRÌNH ĐÀO TẠO, ĐIỀU KIỆN TỐT NGHIỆP**

**5.1. Quy trình đào tạo:** Đào tạo theo hệ thống tín chỉ.

**5.2. Điều kiện tốt nghiệp:** Theo Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo; Quy định đào tạo đại học, cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ hiện hành của Trường Đại học Quy Nhơn.

#### **6. THANG ĐIỂM**

Theo Quy định đào tạo đại học, cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ hiện hành của Trường Đại học Quy Nhơn.

## 7. NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH

TT	Mã học phần	Tên học phần	Học kỳ	Số tín chỉ	Giờ lên lớp			TN/ TH	Giờ tự học	Mã HP học trước
					LT	BT	TL			
<b>I. KHÔI KIẾN THỨC CHUNG 20 TC ( không tính các học phần điều kiện GDTC, GDQP-AN)</b>										
<b>Các học phần bắt buộc</b>										
1.		Những nguyên lý cơ bản của CN Mác – Lê nin 1	I	2	20		20		50	1130045
2.		Những nguyên lý cơ bản của CN Mác – Lê nin 2	II	3	30		30		75	113046
3.		Tư tưởng Hồ Chí Minh	III	2	20		20		50	1130091
4.		Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam	IV	3	30		30		75	
5.		Tiếng Anh 1	I	3	30	15			90	
6.		Tiếng Anh 2	II	4	40	20			120	
7.		Tin học đại cương	I	3	30			30	75	
<b>Các học phần điều kiện 12 TC (GDTC, GDQP -AN)</b>										
xx		Giáo dục thể chất 1	I	1	4			26		
xx		Giáo dục thể chất 2	II	1	4			26		
xx		Giáo dục thể chất 3	III	1	4			26		
xx		Giáo dục thể chất 4	IV	1	4			26		
xx		Giáo dục QP-AN 1	II	3	40		10			
xx		Giáo dục QP-AN 2	II	2	25		10			
xx		Giáo dục QP-AN 3	II	3	17			28		
<b>II. KHÔI KIẾN THỨC NGÀNH 21 TC</b>										
<b>Các học phần cơ sở của khối ngành</b>				<b>10</b>						
8.		Lịch sử các học thuyết pháp lý	III	2	30				60	
9.		Xã hội học pháp luật	VI	2	30				60	
10.		Tâm lý học tư pháp	V	2	30				60	
11.		Dẫn luận ngôn ngữ và Tiếng Việt thực hành	III	2	30				60	
12.		Logic học	III	2	30				60	
<b>Các học phần cơ sở của ngành 11 TC</b>										
13.		Lý luận nhà nước và pháp luật	I	3	45				90	
14.		Lịch sử nhà nước và pháp luật	II	2	30				60	
15.		Xây dựng và ban hành văn	IV	2	30				60	

		bản QPPL							
16.		Xây dựng Nhà nước pháp quyền XHCN ở Việt Nam	V	2	20		20		60
17.		Phương pháp nghiên cứu và lập luận trong khoa học pháp lý	III	2	30				60
<b>III. KHÔI KIẾN THỨC CHUYÊN NGÀNH 78 TC</b>									
<b>1. Các học phần bắt buộc 54 TC</b>									
18.		Luật Hiến pháp	I	3	45				90
19.		Luật Hành chính	II	2	30				60
20.		Luật Hình sự - Phần chung	II	3	30				60
21.		Luật Hình sự - Phần các tội phạm	III	2	30				60
22.		Những vấn đề chung của Luật dân sự Việt Nam	I	2	30				60
23.		Pháp luật về tài sản, quyền sở hữu, thừa kế	II	2	30				60
24.		Pháp luật về nghĩa vụ dân sự và hợp đồng dân sự	III	2	30				60
25.		Luật tố tụng hình sự	IV	2	30				60
26.		Luật tố tụng dân sự	V	2	30				60
27.		Luật tố tụng hành chính	IV	2	30				60
28.		Luật Hôn nhân và gia đình	V	2	30				60
29.		Pháp luật về chủ thể kinh doanh, giải quyết tranh chấp trong kinh doanh thương mại và phá sản	III	2	30				60
30.		Pháp luật về thương mại hàng hoá và dịch vụ	IV	2	30				60
31.		Pháp luật về lao động	VI	2	30				60
32.		Pháp luật về an sinh xã hội	VII	2	30				60
33.		Pháp luật về tài chính	IV	3	45				90
34.		Pháp luật về đất đai	VI	2	30				60
35.		Pháp luật về môi trường	VI	2	30				60
36.		Công pháp quốc tế	IV	3	45				60
37.		Tư pháp quốc tế	V	2	30				60
38.		Tội phạm học	VI	2	30				60



39.		Luật thương mại quốc tế	VII	2	30				60	
40.		Pháp luật cộng đồng Asean	V	2	30				60	
41.		Pháp luật về du lịch	VI	2						
42.		Xây dựng và ban hành văn bản hành chính và văn bản chuyên ngành trong hoạt động tố tụng	VII	2	30				60	
<b>2. Các học phần tự chọn: 4/6 học phần 8 TC</b>										
43.	<i>*Nhóm 1: Chọn 2/3 học phần</i>		VII	4						
		Pháp luật về kinh doanh bất động sản		2	20		20		60	
		Pháp luật về kinh doanh chứng khoán		2	20		20		60	
		Pháp luật về kinh doanh bảo hiểm		2	20		20		60	
44.	<i>*Nhóm 2: Chọn 2/3 học phần</i>		VII	4						
		Pháp luật về luật sư và công chứng		2	30				60	
		Cải cách tư pháp ở Việt Nam hiện nay		2	20		20		60	
		Cải cách hành chính ở Việt Nam - lý luận và thực tiễn		2	20		20		60	
<b>3. Các học phần kỹ năng và thực tập nghề nghiệp 16 TC</b>										
<i>* Các học phần kỹ năng nghề 10 TC</i>										
45.		Kỹ năng giải quyết khiếu nại hành chính	V	2	20	10			30	
46.		Kỹ năng tư vấn pháp luật	VI	2	20	10			30	
47.		Kỹ năng đàm phán, soạn thảo hợp đồng	V	2	20	10			30	
48.		Kỹ năng thực hành nghề luật	VI	2	20	10			30	
49.		Nghiệp vụ thư ký toà án	VII	2	20	10			30	
<i>*Thực tế chuyên môn và thực tập tốt nghiệp</i>				<b>6</b>						
50.		Thực tế chuyên môn	VI	1				30		
51.		Thực tập tốt nghiệp	VIII	5						
<b>IV. KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP, HỌC PHẦN THAY THẾ: 7 tín chỉ</b>										
52.	<b>Khóa luận tốt nghiệp</b>		VIII	7						
	<b>Các học phần thay thế khóa luận tốt</b>		VIII	7						

	<b>ngiệp</b>								
	<b>Học phần bắt buộc</b>	<b>VIII</b>	<b>3</b>						
53.	Pháp luật về cạnh tranh và giải quyết tranh chấp thương mại	VIII	3	30		30		90	
	<b>Học phần tự chọn: Chọn 2/6 học phần</b>	<b>VIII</b>	<b>4</b>						
	<i>Nhóm 1: Chọn 1/3 học phần</i>		2						
54.	Pháp luật về thương mại điện tử và nhượng quyền thương mại		2	20		20		60	
55.	Pháp luật về sở hữu trí tuệ và thực tiễn thi hành ở Việt Nam		2	20		20		60	
56.	Tập quán thương mại quốc tế và thanh toán quốc tế		2	20		20		60	
	<i>Nhóm 2: Chọn 1/3 học phần</i>	<b>VIII</b>	2						
57.	Hoạt động chứng minh trong tố tụng hình sự		2	20		20		60	
58.	Giám sát hiến pháp và bầu cử trong nhà nước pháp quyền		2	20		20		60	
59.	Pháp luật thanh tra và khiếu nại, tố cáo		2	20		20		60	
	<b>Tổng cộng</b>		<b>126</b>						

## 8. KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY DỰ KIẾN

### Học kỳ I

T T	Mã học phần	Tên học phần	Số T C	Giờ lên lớp			TN /T H	Mã HP học trước
				LT	BT	TL		
1.		Những nguyên lý cơ bản của CN Mác – Lê nin 1	2	20		20		
2.		Lý luận Nhà nước và Pháp luật	3	45				
3.		Luật Hiến pháp	3	30				
4.		Những vấn đề chung của Luật dân sự	2	30				
5.		Tiếng Anh 1	3	30	15			
6.		Tin học đại cương	3	30			30	
7.		<i>Giáo dục thể chất 1</i>	1	4			26	
<b>Tổng cộng (không tính học phần GDTC)</b>			<b>16</b>					

### Học kỳ II

T T	Mã học phần	Tên học phần	Số T C	Giờ lên lớp			TN /T H	Mã HP học trước
				LT	BT	TL		
1.		Những nguyên lý cơ bản của CN Mác – Lê nin 2	3	30		30		
2.		Luật Hành chính	2	30				
3.		Luật Hình sự - Phần chung	3	45				
4.		Pháp luật về tài sản, quyền sở hữu, thừa kế	2	30				
5.		Lịch sử nhà nước và pháp luật	2	30				
6.		Tiếng Anh 2	4	40	20			
7.		<i>Giáo dục thể chất 2</i>	1	4			26	
8.		<i>Giáo dục QP-AN 1</i>	3	40		10		
9.		<i>Giáo dục QP-AN 2</i>	2	25		10		
10.		<i>Giáo dục QP-AN 3</i>	3	17			28	
<b>Tổng cộng</b>			<b>16</b>					

**Học kỳ III**

T T	Mã học phần	Tên học phần	Số T C	Giờ lên lớp			TN /T H	Mã HP học trước
				LT	BT	TL		
1.		Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	20		20		
2.		Phương pháp nghiên cứu và lập luận trong khoa học pháp lý	2	30				
3.		Lịch sử các học thuyết pháp lý	2	30				
4.		Logic học	2	20	20			
5.		Luật Hình sự - Phần các tội phạm	2	30				
6.		Pháp luật về nghĩa vụ dân sự và hợp đồng dân sự	2	30				
7.		Pháp luật về chủ thể kinh doanh, giải quyết tranh chấp trong kinh doanh thương mại và phá sản	2	30				
8.		Dẫn luận ngôn ngữ và Tiếng Việt thực hành	2	30				
9.		<i>Giáo dục thể chất 3</i>	1	4			26	
<b>Tổng cộng</b>			<b>16</b>					

**Học kỳ IV**

T T	Mã học phần	Tên học phần	Số T C	Giờ lên lớp			TN /T H	Mã HP học trước
				LT	BT	TL		
1.		Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam	3	30		30		
2.		Luật Tố tụng hình sự	2	30				
3.		Luật Tố tụng Hành chính	2	30				
4.		Pháp luật về thương mại hàng hoá và dịch vụ	2	30				
5.		Pháp luật về tài chính	3	45				
6.		Công pháp quốc tế	3	30				
7.		Xây dựng và ban hành văn bản QPPL	2	30				
8.		<i>Giáo dục thể chất 4</i>	1	4			26	
<b>Tổng cộng</b>			<b>17</b>					

**Học kỳ V**

T T	Mã học phần	Tên học phần	Số T C	Giờ lên lớp			TN /T H	Mã HP học trước
				LT	BT	TL		
1.		Xây dựng Nhà nước pháp quyền XHCN ở Việt Nam	2	20		20		
2.		Pháp luật cộng đồng Asean	2	30				
3.		Tâm lý học tư pháp	2	30				
4.		Luật Tổ tụng dân sự	2	30				
5.		Luật Hôn nhân và Gia đình	2	20		20		
6.		Tư pháp quốc tế	2	30				
7.		Kỹ năng giải quyết khiếu nại hành chính	2	20	10			
8.		Kỹ năng đàm phán và soạn thảo hợp đồng	2	20	10			
<b>Tổng cộng</b>			<b>16</b>					

**Học kỳ VI**

T T	Mã học phần	Tên học phần	Số T C	Giờ lên lớp			TN /T H	Mã HP học trước
				LT	BT	TL		
1.		Pháp luật về đất đai	2	30				
2.		Pháp luật về lao động	2	30				
3.		Pháp luật về môi trường	2	30				
4.		Xã hội học pháp luật	2	30				
5.		Tội phạm học	2	30				
6.		Pháp luật về du lịch	2	30				
7.		Kỹ năng thực hành nghề luật	2	20	10			
8.		Kỹ năng tư vấn pháp luật	2	20	10			
9.		Thực tế chuyên môn	1				30	
<b>Tổng cộng</b>			<b>17</b>					

**Học kỳ VII**

T T	Mã học phần	Tên học phần	Số T C	Giờ lên lớp			TN /T H	Mã HP học trước
				LT	BT	TL		
1.		Xây dựng và ban hành văn bản hành chính và văn bản chuyên ngành trong lĩnh vực hành pháp , tư pháp	2	20	10			
2.		Pháp luật về an sinh xã hội	2	20		20		
3.		Luật thương mại quốc tế	2	20		20		
4.		Nghiệp vụ thư ký tòa án	2	20	10			
	Học phần tự chọn: Chọn 4/6 học phần		8					
5.	<i>Nhóm 1: Chọn 2/3 học phần</i>							
		Pháp luật về kinh doanh bất động sản	2	20		20		
		Pháp luật về kinh doanh chứng khoán	2	20		20		
		Pháp luật về kinh doanh bảo hiểm	2	20		20		
6.	<i>Nhóm 2: Chọn 2/3 học phần</i>							
		Pháp luật về luật sư và công chứng	2	20	10			
		Cải cách tư pháp ở Việt Nam hiện nay	2	20		20		
		Cải cách hành chính ở Việt Nam - lý luận và thực tiễn	2	20		20		
	<b>Tổng cộng</b>		<b>16</b>					

**Học kỳ VIII**

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số T C	Giờ lên lớp			TN /T H	Mã HP học trước
				LT	BT	TL		
1.		Thực tập tốt nghiệp	5					
2.		Khóa luận tốt nghiệp hoặc học phần thay thế	7					
	Học phần bắt buộc							
3.		Pháp luật về cạnh tranh và giải quyết tranh chấp thương mại	3	30		30		
	Học phần tự chọn: Chọn 2/6 học phần		4					
4.	<i>Nhóm 1: Chọn 1/3 học phần</i>							
		Pháp luật về thương mại điện tử và nhượng quyền thương mại	2	20		20		
		Pháp luật về sở hữu trí tuệ và thực tiễn thi hành ở Việt Nam	2	20		20		
		Tập quán thương mại quốc tế và thanh toán quốc tế	2	20		20		
5.	<i>Nhóm 2: Chọn 1/3 học phần</i>							
		Hoạt động chứng minh trong tố tụng hình sự	2	20		20		
		Giám sát hiến pháp và bầu cử trong nhà nước pháp quyền	2	20		20		
		Pháp luật thanh tra và khiếu nại, tố cáo	2	20		20		
	<b>Tổng cộng</b>		<b>12</b>					

## **9. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH**

Chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Luật được xây dựng dựa trên cơ sở các quy định, hướng dẫn của Bộ Giáo dục và Đào tạo, có tham khảo các chương trình đào tạo của một số trường đại học trong nước.

Chương trình được biên soạn theo hướng tinh giản số giờ lý thuyết, dành nhiều thời gian cho sinh viên tự nghiên cứu, đọc tài liệu, thảo luận, làm các bài tập và thực hành. Hệ thống kiến thức chuyên ngành của chương trình được bố trí thành các khối kiến thức bắt buộc và tự chọn. Khoa quản lý đào tạo xác định hình thức thảo luận, giờ tự học và xác định khối kiến thức tự chọn cho sinh viên theo từng khóa học phù hợp với nhu cầu đào tạo của Trường theo từng khóa học.

Chương trình có tính linh hoạt, thường xuyên được cập nhật, điều chỉnh, bổ sung nhằm phù hợp với nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội về chất lượng nguồn nhân lực ngành Luật

Chương trình đào tạo là một trong những căn cứ để Trường Đại học Quy Nhơn quản lý chất lượng đào tạo thông qua Khoa quản lý đào tạo ngành Luật.

**HIỆU TRƯỞNG**